

Số: 2782/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận và công bố “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” và “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017- 2020;

Căn cứ Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Tiêu chí “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” và Quy định “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 - 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 43/TTr-VPĐPNTM ngày 14/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xét công nhận và công bố “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” và “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo TW; VPĐP NTM TW;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phòng, ban có liên quan và UBND các xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam\binh\Nam 2019\Quyết định\08 22 ban hành quy định đánh giá, xét công nhận và công bố Xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.doc



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xét công nhận và công bố “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” và “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2782~~ /QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đánh giá, xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, được phân chia thành 02 khu vực để đánh giá như sau:

- Khu vực 1: Các xã thuộc các huyện: Nam Trà My, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang và Bắc Trà My;

- Khu vực 2: Các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

2. Các tiêu chí được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao và đạt chuẩn NTM kiểu mẫu phải bảo đảm đủ các chỉ tiêu, yêu cầu theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, đánh giá xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu phải linh hoạt, vận dụng các tiêu chí cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và phù hợp với các tiêu chí xã NTM.

3. Việc đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu được tổ chức hằng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Xã đạt chuẩn NTM nâng cao là xã đạt đủ các tiêu chí sau:

I. Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quy định tại Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh.

II. Đạt thêm các tiêu chí sau:

Điều 3. Tiêu chí Thu nhập (tiêu chí 1)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí thu nhập bình quân đầu người/năm khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

Xã có thu nhập bình quân đầu người/năm: Cao hơn ít nhất 5% so với thu nhập đạt chuẩn NTM theo quy định tại năm đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM đối với xã khu vực 1 (*cụ thể năm 2019 đạt ít nhất 34,7 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 37,8 triệu đồng/người/năm*) và cao hơn ít nhất 10% so với thu nhập đạt chuẩn NTM theo quy định tại năm đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM đối với xã khu vực 2 (*cụ thể năm 2019 đạt ít nhất 41,8 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 45,1 triệu đồng/người/năm*).

2. Phương pháp đánh giá

Căn cứ hướng dẫn đánh giá tiêu chí thu nhập (*tiêu chí số 10*) của xã NTM tại Điều 12 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá tiêu chí thu nhập. Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định các tiêu chí NTM tỉnh (*Đoàn thẩm định tỉnh*) xem xét hồ sơ đánh giá tiêu chí thu nhập của xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn tiêu chí thu nhập của xã NTM nâng cao.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 1 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

- Bản sao hồ sơ minh chứng đối với tiêu chí thu nhập của xã NTM quy định tại Điều 12 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

(*Mẫu 1. Đánh giá tiêu chí 1 về thu nhập*)

Điều 4. Tiêu chí Hộ nghèo (tiêu chí 2)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí hộ nghèo khi tỉ lệ hộ nghèo đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định và được tính theo từng khu vực: $\leq 7\%$ đối với xã khu vực 1; $\leq 3\%$ đối với các xã thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và không còn hộ nghèo đối với các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại thuộc khu vực 2.

Ghi chú: Không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do mắc bệnh hiểm nghèo khi đánh giá.

2. Phương pháp đánh giá

- Căn cứ hướng dẫn đánh giá tiêu chí hộ nghèo (*tiêu chí số 11*) của xã NTM tại Điều 13 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá. Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá tiêu chí hộ nghèo của xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

- Hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

- Hộ nghèo do bệnh hiểm nghèo: Danh mục bệnh hiểm nghèo thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng: Quy trình xét bổ sung hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 2 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

- Bản sao các hồ sơ minh chứng đối với tiêu chí hộ nghèo của xã NTM quy định tại Điều 13 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

Đối với các Bảng tổng hợp số lượng hộ nghèo của xã thực hiện theo đúng Phụ lục số 4a, 4b, 4c, 4d, 4đ, 4e theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và đã được thiết kế sẵn trên phần mềm quản lý hộ nghèo trực tuyến.

- Bảng kê danh sách hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hộ nghèo do mắc bệnh hiểm nghèo có xác nhận của UBND xã.

(Mẫu 2. Đánh giá tiêu chí 2 về hộ nghèo)

Điều 5. Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn (*tiêu chí 3*)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí phát triển kinh tế nông thôn khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp: Xã có kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã hoặc đề án cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp được UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Hợp tác xã (HTX): Có ít nhất 01 HTX nông nghiệp được xếp loại hoạt động từ loại khá trở lên theo tiêu chí quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; HTX nông nghiệp có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã. Trường hợp xã không có HTX nông nghiệp thì có ít nhất 01 HTX phi nông nghiệp hoạt động hiệu quả, gắn với phát triển dịch vụ, du lịch, ngành nghề,... trên địa bàn xã.

- Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực: Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực đạt trên 50% đối với xã thuộc khu vực 1; trên 70% đối với các xã thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và trên 80% đối với các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

- Mô hình sản xuất kinh doanh gắn giải quyết việc làm cho lao động nông thôn: Có ít nhất 02 mô hình sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực (*trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản,...*) có hiệu quả (*doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 2 và trên 200 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 1, có lãi*) và có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.

2. Phương pháp đánh giá

- Địa phương chọn 01 HTX mạnh nhất trên địa bàn để đánh giá. Hợp tác xã hoạt động từ loại khá trở lên là HTX có tổng số điểm đạt từ 65 điểm trở lên theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế hướng dẫn HTX đánh giá theo quy định.

Trường hợp xã không có HTX nông nghiệp thì có ít nhất 01 HTX phi nông nghiệp hoạt động hiệu quả (*là HTX hoạt động có lãi trong năm tài chính gần nhất được Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện xác nhận*).

- Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực:

$$\text{Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực (\%)} = \frac{\text{Tổng diện tích cây trồng chủ lực được cơ giới hóa trên địa bàn xã (ha)}}{\text{Tổng diện tích cây trồng chủ lực trên địa bàn xã (ha)}} \times 100$$

Cây trồng chủ lực của xã là cây trồng được sản xuất trên địa bàn xã để cung cấp ra thị trường sản lượng hàng hóa với khối lượng lớn, năng lực cạnh tranh cao, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp của xã. Cây trồng chủ lực của xã phải có trong quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã. Địa phương chọn ít nhất 01 cây trồng chủ

lực để đánh giá. Đối với các xã khu vực đồng bằng hoặc xã có diện tích trồng lúa nước lớn hơn so với cây trồng khác thì ưu tiên đánh giá tỷ lệ cơ giới hóa đối với khâu làm đất và thu hoạch lúa. Trường hợp xã có cây trồng chủ lực nhưng không thể đưa cơ giới hóa vào được, như cây dược liệu, cây lâm nghiệp... thì không đánh giá nội dung này. Đối với các xã có thế mạnh về kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản thì không đánh giá nội dung này.

Cơ giới hóa nông nghiệp là đưa các trang thiết bị máy móc vào hỗ trợ người nông dân trong sản xuất nông nghiệp, như các loại máy cày, máy gieo hạt, máy phun thuốc trừ sâu, thiết bị hỗ trợ làm cỏ lúa, máy gặt đập liên hợp, máy tách ngô, máy tuốt lạc,...

- Đối với nội dung có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên. Trường hợp tại thời điểm đánh giá xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao nhưng chưa có Quyết định của UBND tỉnh công nhận ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên thì phải có ít nhất 01 sản phẩm trên địa bàn xã đủ điều kiện dự thi đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh (*đã nộp hồ sơ đánh giá ít nhất 01 sản phẩm OCOP về tỉnh*) thì xem xét đạt chỉ tiêu này.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 3 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao Quyết định của UBND huyện phê duyệt kế hoạch hoặc đề án cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; báo cáo của UBND xã về kết quả sản xuất nông nghiệp trong 02 năm gần nhất;

- Bảng tự chấm điểm của HTX theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, có xác nhận của UBND xã hoặc bản xác nhận có lỗi của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với HTX phi nông nghiệp;

- Báo cáo bằng văn bản của UBND xã về kết quả của các mô hình sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực có hiệu quả trên địa bàn (*doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 2 và trên 200 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 1, có lãi*);

- Bản sao Kế hoạch của UBND xã về triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn xã và bản sao giấy công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên của UBND tỉnh đối với sản phẩm OCOP có địa chỉ trên địa bàn xã.

(Mẫu 3. Đánh giá tiêu chí 3 về phát triển kinh tế nông thôn)

Điều 6. Tiêu chí Giáo dục (tiêu chí 4)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí giáo dục khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Nâng cao trình độ dân trí của người dân: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3;

- Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: $\geq 80\%$ đối với xã khu vực 1 và $\geq 95\%$ đối với xã khu vực 2;

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: $\geq 50\%$ đối với xã khu vực 1 và $\geq 70\%$ đối với xã khu vực 2.

2. Phương pháp đánh giá

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 11 và Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để đánh giá;

- Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thanh niên trong} \\ \text{độ tuổi 15 đến 18 tuổi} \\ \text{đang theo học chương} \\ \text{trình giáo dục phổ thông} \\ \text{hoặc giáo dục thường} \\ \text{xuyên cấp trung học phổ} \\ \text{thông hoặc giáo dục} \\ \text{nghề nghiệp (\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số thanh niên trong độ tuổi 15 -18 tuổi trên} \\ \text{địa bàn xã đang học chương trình phổ} \\ \text{thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp} \\ \text{THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số thanh niên trong độ tuổi 15 - 18} \\ \text{tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã} \end{array}} \times 100$$

Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá chỉ tiêu 14.2 của tiêu chí xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

- Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo: Căn cứ hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 14.3 của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo của xã NTM tại Điều 16 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá. Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá chỉ tiêu 14.3 của tiêu chí xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 4 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và bản sao Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 của UBND cấp huyện;

- Bản sao các hồ sơ minh chứng đối với chỉ tiêu 14.2 và chỉ tiêu 14.3 của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo của xã NTM quy định tại Điều 16 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

(Mẫu 4. Đánh giá tiêu chí 4 về giáo dục)

Điều 7. Tiêu chí Y tế (tiêu chí 5)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí y tế khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 95\%$ cho cả 2 khu vực;
- Kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm: Kiểm soát tốt dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch; trong năm không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

2. Phương pháp đánh giá

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Căn cứ hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 15.1 của tiêu chí số 15 về y tế của xã NTM tại Điều 17 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá.

- Kiểm soát tốt dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch là có kế hoạch tuyên truyền và phát động trong nhân dân về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch; trong năm không phát sinh các ổ dịch bệnh truyền nhiễm và không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 5 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao hồ sơ minh chứng chỉ tiêu 15.1 của tiêu chí số 15 về y tế của xã NTM tại Điều 17 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh;

- Báo cáo của Trạm Y tế xã về tình hình kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, có xác nhận của UBND xã.

(Mẫu 5. Đánh giá tiêu chí 5 về y tế)

Điều 8. Tiêu chí Văn hóa (tiêu chí 6)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí văn hóa khi xã được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

2. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 6 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao Quyết định công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” của UBND cấp huyện (đối với xã được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” lần đầu thì thời gian công nhận đến thời điểm nộp hồ sơ đánh giá tiêu chí văn hóa xã NTM nâng cao trong vòng không quá 02 năm; đối với xã được công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” thì thời gian công nhận đến thời điểm nộp hồ sơ đánh giá tiêu chí văn hóa xã NTM nâng cao trong vòng không quá 05 năm).

(Mẫu 6. Đánh giá tiêu chí 6 về văn hóa)

Điều 9. Tiêu chí Cảnh quan - môi trường (tiêu chí 7)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí cảnh quan - môi trường khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Cảnh quan: Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: $\geq 80\%$ đối với xã khu vực 1 và $\geq 95\%$ đối với xã khu vực 2;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 70\%$ đối với xã khu vực 1 và $\geq 85\%$ đối với xã khu vực 2.

2. Phương pháp đánh giá

a) Cảnh quan:

- Các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan; đường không ứ đọng nước;

- Hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ; có trồng cây xanh, trồng hoa (mỗi thôn trong xã ít nhất phải có một mô hình trồng hoa, trồng cây xanh để tạo điển hình nhằm phổ biến nhân rộng);

- Giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa của địa phương như nếp sống, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, văn hóa dân gian,...

b) *Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:* Căn cứ hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 17.6 của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm của xã NTM tại Điều 19 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá. Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá chỉ tiêu 17.6 của tiêu chí xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

c) *Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:* Căn cứ hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 17.7 của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm của xã NTM tại Điều 19 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá. Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá chỉ tiêu 17.7 của tiêu chí xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 7 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao hồ sơ minh chứng đối với chỉ tiêu 17.6 và chỉ tiêu 17.7 của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm của xã NTM tại Điều 19 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

(Mẫu 7. Đánh giá tiêu chí 7 về cảnh quan - môi trường)

Điều 10. Tiêu chí Thông tin và truyền thông - hành chính công (tiêu chí 8)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí thông tin và truyền thông - hành chính công (*Nội dung: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công vụ*), khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- UBND xã có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) và có sử dụng ít nhất 02 phần mềm quản lý chuyên ngành đối với cả 02 khu vực;

- Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử đối với xã khu vực 1; có sử dụng phần mềm một cửa điện tử và cung cấp ít nhất 01 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên đối với xã khu vực 2.

2. Giải thích từ ngữ

- Mạng LAN là hệ thống mạng dùng để kết nối các máy tính trong một phạm vi nhỏ như ở Văn phòng UBND xã...;

- Phần mềm quản lý chuyên ngành như: Phần mềm kế toán, phần mềm quản lý đất đai, phần mềm quản lý hộ tịch,...

- Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử là xã có sử dụng phần mềm một cửa, dịch vụ công cấp xã tại địa chỉ <http://dichvucong.quangnam.gov.vn> để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

- Cung cấp ít nhất 01 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên: Là UBND xã có cung cấp ít nhất 01 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 hoặc mức độ 4 đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Trong năm đánh giá có phát sinh hồ sơ trực tuyến.

Các mức độ dịch vụ công trực tuyến:

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: Là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công.

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ công.

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

3. Hồ sơ chứng minh

Mẫu 8 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

(Mẫu 8. Đánh giá tiêu chí 8 về thông tin và truyền thông-hành chính công)

Điều 11. Tiêu chí Trường học (tiêu chí 9)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí trường học khi tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non/mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: 100% đối với xã khu vực 1 và 100% (trong đó có ít nhất 01 trường mầm non/mẫu giáo hoặc tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2) đối với xã khu vực 2.

2. Phương pháp đánh giá

a) Trường mầm non/mẫu giáo: Đánh giá theo quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

b) Trường tiểu học: Đánh giá theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

c) Trường trung học cơ sở: Đánh giá theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đối với trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đã đạt chuẩn quốc gia thì xem như đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (tính trong vòng 5 năm kể từ ngày công nhận đạt chuẩn quốc gia).

Khi thẩm định tiêu chí này của xã NTM nâng cao, Đoàn thẩm định tỉnh xem xét hồ sơ đánh giá tiêu chí trường học của xã NTM để đối chiếu, thẩm định công nhận đạt chuẩn.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 9 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao hồ sơ minh chứng đối với tiêu chí số 5 về trường học của xã NTM tại Điều 7 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

(Mẫu 9. Đánh giá tiêu chí 9 trường học)

Điều 12. Tiêu chí Giao thông (tiêu chí 10)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí giao thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Tỷ lệ đường trục xã có hệ thống đèn chiếu sáng và có cây xanh, bóng mát (*cây cách cây tối đa 10 m*) hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến: $\geq 50\%$ đối với xã khu vực 1 và $\geq 70\%$ đối với xã khu vực 2.

b) Cắm mốc đầy đủ đường trục xã, trục thôn theo quy hoạch xã NTM được duyệt.

c) Các điểm giao nhau của đường trục xã và đường trục thôn có biển báo giao thông.

d) Các tuyến đường trục xã, đường trục thôn được duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

2. Phương pháp đánh giá

- Tỷ lệ đường trục xã có cây xanh, bóng mát: Là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số km đường trục chính xã có cây xanh, bóng mát trên tổng số km đường trục chính xã; khi lấy số liệu đường trục chính xã căn cứ số liệu của tiêu chí giao thông của xã NTM để đánh giá.

Đối với trồng cây xanh, cây bóng mát: Tùy điều kiện các tuyến đường mà chọn các loại cây xanh, cây bóng mát để trồng 01 hoặc 02 bên đường sao cho phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, đất đai và tình hình thực tế của địa phương. Đối với các tuyến đường do đặc thù không thể trồng được cây xanh (*như đường đã bê tông hóa không còn đất trống...*), hoặc đường đã có cây xanh tự nhiên thì các địa phương linh hoạt trong việc trồng cây, xây các bồn hoa hoặc để các chậu hoa cho phù hợp nhưng phải bảo đảm tính mỹ quan và không ảnh hưởng giao thông.

- Tỷ lệ đường trục xã có hệ thống đèn chiếu sáng: Là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số km đường trục chính xã có hệ thống đèn chiếu sáng trên tổng số km đường trục xã.

- Cắm mốc đầy đủ đường trục xã, trục thôn theo đúng quy hoạch xã NTM được duyệt: Nội dung này kiểm tra thực tế.

- Các điểm giao nhau của đường trục xã và đường trục thôn có biển báo giao thông là cắm các biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn, tên đường,... trên các tuyến đường trục xã và đường trục thôn: Nội dung này kiểm tra thực tế.

- Các tuyến đường trục xã, đường trục thôn được duy tu, bảo dưỡng định kỳ là được duy tu, sửa chữa khi hư hỏng, đảm bảo xe đi lại thuận tiện: Nội dung này kiểm tra thực tế.

3. Hồ sơ minh chứng

Mẫu 10 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

(Mẫu 10. Đánh giá tiêu chí 10 về giao thông)

Điều 13. Tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (tiêu chí 11)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu khi:

- Có ít nhất 30% số thôn được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” đối với xã khu vực 1.

- Có ít nhất 35% số thôn được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” đối với các xã thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và có ít nhất 40% số thôn được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” đối với các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại của khu vực 2.

2. Tiêu chí, phương pháp đánh giá

a) Thôn đạt chuẩn Bộ tiêu chí "Khu dân cư NTM kiểu mẫu" là thôn đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại các Quyết định: Số 2663/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020; số 2832/QĐ-UBND ngày 04/8/2017; số 3180/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Bộ tiêu chí “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh.

b) Phương pháp đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận thôn đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017-2020.

Chỉ đánh giá tỷ lệ đối với thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh (Nghị quyết 42). Đối với thôn đã có Quyết định đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu trước ngày Nghị quyết 42 có hiệu lực, nay sắp xếp, tổ chức lại thôn thì cần thực hiện trên diện tích, dân số ở thôn mới sau khi sắp xếp, tổ chức lại để được công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu ở thôn mới để tính theo tỷ lệ quy định của tiêu chí này.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 11 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

- Bản sao các Quyết định công nhận “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” của UBND cấp huyện.

(Mẫu 11. Đánh giá tiêu chí 11 về khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu)

Điều 14. Tiêu chí An ninh trật tự (tiêu chí 12)

1. Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí an ninh, trật tự xã hội khi hàng năm, không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm.

2. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 12 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Bản sao hồ sơ minh chứng đối với chỉ tiêu 19.2 của tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh của xã NTM tại Điều 21 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh.

(Mẫu 12. Đánh giá tiêu chí 12 về an ninh trật tự)

Chương III

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ “XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU”

Xã được công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” là xã đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới nâng cao” theo các tiêu chí quy định tại Chương II Quy định này và đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

Điều 15. Tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo

1. Xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả.

- Thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Riêng các xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011-2015 thì mức thu nhập để xét đạt chuẩn của xã NTM kiểu mẫu phải bằng ít nhất mức thu nhập quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

- Hộ nghèo: Không có hộ nghèo (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do mắc bệnh hiểm nghèo*).

2. Phương pháp đánh giá

a) Sản xuất

a1) Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã:

- Đáp ứng các nội dung của chỉ tiêu 13.2 của tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh;

- Chất lượng nước sử dụng cho sản xuất: Đáp ứng quy định tại cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT: 2015/BTNMT;

- Quản lý chất thải trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.

a2) Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm

- Không sử dụng chất cấm trong quá trình sản xuất;

- Hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm vi sinh vật trong sản phẩm trồng trọt không vượt mức giới hạn tối đa cho phép; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản và ô nhiễm vi sinh không vượt ngưỡng cho phép;

- Đối với sản phẩm chủ lực của xã là mặt hàng thịt gia súc, gia cầm: Yêu cầu gia súc, gia cầm phải được giết mổ tại cơ sở giết mổ được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền.

a3) Kinh doanh có hiệu quả: Sản phẩm chủ lực của xã có hiệu quả kinh tế cao (*gấp tối thiểu 02 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã tại cùng thời điểm đánh giá*) và có tiềm năng mở rộng.

a4) Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với đặc thù thiên tai và phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu của địa phương;

- Có các hình thức canh tác thích nghi với biến đổi khí hậu (như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; xen canh, luân canh hợp lý).

a5) Có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả:

Có ít nhất 02 hợp tác xã đạt theo các yêu cầu tại chỉ tiêu 13.1 của tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất của xã NTM theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh. Trong đó, HTX có ít nhất 02 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng địa phương, phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn.

b) Thu nhập: Đánh giá theo Điều 3 Quy định này.

c) Hộ nghèo: Đánh giá theo Điều 4 Quy định này.

3. Hồ sơ minh chứng

Mẫu 13 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã.

(Mẫu 13. Đánh giá tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo)

Điều 16. Tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa

1. Xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí giáo dục - y tế - văn hóa khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Giáo dục: Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên.

các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên.

b) Y tế: Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

c) Văn hóa: Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

2. Phương pháp đánh giá

a) Giáo dục

- Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến lớp trên tổng số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo trong toàn xã tại thời điểm đánh giá.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ 6 tuổi được vào lớp 1 trên tổng số trẻ 6 tuổi trong toàn xã tại thời điểm đánh giá.

- Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học là tỷ lệ phần trăm (%) giữa trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên tổng số trẻ em 11 tuổi trong toàn xã tại thời điểm đánh giá.

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: Đánh giá theo Điều 6 Quy định này.

Khi đánh giá các chỉ tiêu này, các địa phương cần căn cứ hồ sơ đánh giá tiêu chí giáo dục tại Điều 6 Quy định này để tính số liệu cho phù hợp.

b) Y tế

- Trạm y tế có đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế là trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện việc quản lý sức khỏe toàn diện, liên tục cho từng người dân trên địa bàn, tập trung vào việc theo dõi, tư vấn về sức khỏe, chăm sóc giảm nhẹ, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em; phòng chống các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, quản lý các bệnh mạn tính; khám bệnh, chữa bệnh theo chức năng, nhiệm vụ và kết nối, chuyển người bệnh lên các cơ sở y tế tuyến trên.

- Dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe là trạm y tế xã có lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn (đạt từ 90% trở lên).

Riêng xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu năm 2019 cần xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể, khả thi để lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, theo chủ trương của Bộ Y tế tại Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: Đánh giá theo Điều 7 Quy định này.

c) Văn hóa

Mỗi xã lựa chọn mô hình văn hóa, thể thao, nghệ thuật truyền thống đặc thù phù hợp với vùng, miền, dân tộc để thu hút người dân tham gia sinh hoạt, giao lưu, trong đó cần thu hút từ 60% trở lên người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn lựa chọn đội hoặc câu lạc bộ văn hóa, văn hóa truyền thống, trò chơi dân gian độc đáo, các loại hình câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật,... thu hút người dân tham gia, hoạt động thường xuyên để phát huy hiệu quả.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 14 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Báo cáo tình hình hoạt động theo các yêu cầu nêu trên của Trạm Y tế xã, có chữ ký của Trưởng Trạm Y tế xã và xác nhận của UBND xã;

- Báo cáo của UBND xã về tình hình thực hiện các mô hình văn hóa - thể thao tiêu biểu của xã thời gian qua, trong đó cần đánh giá tình hình hoạt động của đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ của các thôn trên địa bàn xã.

(Mẫu 14. Đánh giá tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa)

Điều 17. Tiêu chí Môi trường

1. Xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí môi trường khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên;

- Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến;

- Có mô hình bảo vệ môi trường (*hợp tác xã, tổ hợp tác, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường*) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng;

- Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và bảo đảm bền vững.

2. Phương pháp đánh giá

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định là chất thải rắn được vận chuyển chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi rác tập trung theo quy hoạch (*đảm bảo từ 90% trở lên*). Bao bì, chai lọ nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý đúng quy định là thiết lập hệ thống thu gom, đảm bảo 90%

trở lên lượng bao bì, chai lọ nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp là rác thải sinh hoạt được người dân phân loại tại nguồn, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (đạt từ 50% trở lên).

- Số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến trên tổng số tuyến đường xã, thôn (đạt từ 60% trở lên).

Rãnh thoát nước có thể được đầu tư xây mới đảm bảo các tiêu chuẩn quy định hoặc có thể nâng cấp, nạo vét để đảm bảo thoát nước.

- Có mô hình bảo vệ môi trường (*hợp tác xã, tổ hợp tác, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường*) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng. Phương pháp đánh giá:

+ Đánh giá hiệu quả mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm, tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng.

+ Số liệu về câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường đang hoạt động, gồm: Số liệu câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đánh giá chương trình làm việc, hiệu quả thu hút sự tham gia của cộng đồng; số liệu về các phản ánh của cộng đồng dân cư, truyền thông về ô nhiễm môi trường tại địa phương được giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Đánh giá chỉ tiêu liên quan theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững: Thực hiện đánh giá theo chỉ tiêu 17.2 của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm quy định tại Điều 19 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh và đánh giá thêm một số nội dung sau:

+ Số liệu về các nguồn thải trên địa bàn xã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, tỷ lệ nguồn thải có các vi phạm về bảo vệ môi trường, tỷ lệ nguồn thải đã khắc phục các vi phạm về bảo vệ môi trường.

+ Số liệu về các cơ sở sản xuất trong làng nghề có xử lý chất thải, nước thải theo các quy định về bảo vệ môi trường, số làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động hiệu quả, hiện trạng môi trường tại các làng nghề.

+ Các vấn đề môi trường, điểm nóng về môi trường tại địa phương (nếu có).

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 15 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Báo cáo của UBND xã về tình hình thực hiện các nội dung liên quan của tiêu chí môi trường quy định tại Điều này.

(Mẫu 15. Đánh giá tiêu chí Môi trường)

Điều 18. Tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công

1. Xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí an ninh trật tự - hành chính công khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- An ninh trật tự: Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm (*ví dụ năm 2019 xét, công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu thì năm 2016 đến năm 2018 trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm*);

- Hành chính công: Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách hành chính hiệu quả.

2. Phương pháp đánh giá

a) *An ninh trật tự*: Căn cứ hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 19.2 của tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh của xã NTM tại Điều 21 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh để đánh giá các nội dung liên quan cho phù hợp.

b) *Hành chính công*

- Công khai minh bạch thủ tục hành chính: 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của xã được công khai theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát hành chính;

- Về giải quyết thủ tục hành chính

+ Xã đã tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

+ Trong 03 năm liên tục trước năm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu từ 99% đối với hồ

sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã và 95% đối với hồ sơ thủ tục hành chính liên thông được giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời hạn quy định; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung, bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo;

+ Xã đã tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4 đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, trong đó từ khi triển khai đến khi nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ của thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu từ 5% trở lên; các hồ sơ trực tuyến được giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời hạn quy định. Chỉ tiêu này không áp dụng đối với các xã miền núi, vùng cao, hải đảo;

+ Xã đã tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý kết quả đánh giá theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định này.

- Về mô hình điển hình cải cách thủ tục hành chính: Xã đã tổ chức công khai thủ tục hành chính theo hình thức phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, ngoài các hình thức công khai bắt buộc theo quy định pháp luật hoặc đã triển khai áp dụng sáng kiến, giải pháp, mô hình mới trong hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngoài các sáng kiến, giải pháp, mô hình phải triển khai theo quy định của pháp luật. Tính mới, hiệu quả của sáng kiến, giải pháp, mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính được xem xét trong quá trình xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.

3. Hồ sơ minh chứng

- Mẫu 16 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và UBND xã;

- Báo cáo của Trưởng Công an xã về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã trong 04 năm (*bao gồm năm đánh giá và 03 năm liền trước năm đánh giá*) có xác nhận của UBND xã.

- Báo cáo của UBND xã về công tác cải cách hành chính liên quan đến các nội dung quy định của chỉ tiêu hành chính công quy định tại Điều này.

(Mẫu 16. Đánh giá tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công)

Chương IV **CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN** **XÃ NTM NÂNG CAO, XÃ NTM KIỂU MẪU**

Điều 19. Thẩm quyền xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu

- Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận và công bố xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

Xã được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu được UBND tỉnh tặng Bằng khen, Bằng công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc Bằng công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (*mẫu Bằng công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao, Bằng công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu theo mẫu số 14 ban hành kèm theo Quyết định số 2598/UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh*) và tiền thưởng theo quy định. Trường hợp xã được công nhận cả 02 nội dung (*xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) trong cùng thời điểm thì chỉ được UBND tỉnh tặng Bằng khen, Bằng công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu và tiền thưởng theo quy định.

- Công bố:

+ Trách nhiệm tổ chức công bố: Xã được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu tổ chức Lễ công bố; UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức Lễ công bố, bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả và phê duyệt kế hoạch tổ chức lễ công bố do UBND xã trình.

+ Trách nhiệm công bố quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: Chủ tịch UBND tỉnh công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu và công khai trên Báo, Đài Phát Thanh - Truyền hình Quảng Nam và Cổng Thông tin điện tử nông thôn mới của tỉnh.

+ Thời gian tổ chức công bố: Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký quyết định công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

+ Tổ chức lễ công bố: UBND xã tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND cấp huyện. Trường hợp xã được công nhận cả 02 nội dung (*xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) trong cùng thời điểm thì chỉ tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

+ Kinh phí tổ chức: Từ nguồn kinh phí quản lý, chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM phân bổ hằng năm cho xã; ngân sách cấp huyện hỗ trợ; kinh phí nhận từ quỹ thi đua - khen thưởng tỉnh cho xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 20. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

1. Có 100% chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo các nội dung quy định tại Chương II và Chương III Quy định này.

2. Hoàn thành đầy đủ thủ tục đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu đúng thời gian quy định.

Điều 21. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

1. Thời gian, hồ sơ trình

- Khi xã đã đạt chuẩn NTM xét thấy khả năng đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM nâng cao, UBND xã đánh giá và xác lập hồ sơ trình UBND cấp huyện thẩm tra, trình UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao; khi xã đã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, nếu xét thấy khả năng đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu thì UBND xã đánh giá và xác lập hồ sơ trình UBND cấp huyện thẩm tra, trình UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

Trường hợp đối với xã đã đạt chuẩn NTM, nhưng chưa có Quyết định công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao nhưng xét thấy có khả năng đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM nâng cao và đạt thêm các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu (*đạt cả 02 nội dung xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) thì UBND xã đánh giá và xác lập hồ sơ, trình UBND huyện thẩm tra, trình UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (*đề nghị công nhận đạt chuẩn cả 02 nội dung xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*). Sau khi Đoàn thẩm định tỉnh thẩm định, nếu xét thấy xã đạt chuẩn cả 02 nội dung (*xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) thì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (*không ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao*). Trường hợp sau khi thẩm định mà chỉ đạt các tiêu chí xã NTM nâng cao, chưa đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu thì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và yêu cầu xã tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt của tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, khi bảo đảm theo yêu cầu thì xác lập lại hồ sơ để đề nghị cấp trên công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

- Hồ sơ UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra (*qua Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện*), **trước ngày 30/10 hằng năm**, hồ sơ gồm 03 bộ:

+ Tờ trình của UBND xã về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã NTM kiểu mẫu. Trường hợp đề nghị công nhận đạt chuẩn cả 02 nội dung (*xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) thì trong Tờ trình của UBND xã đề nghị xét công nhận cho cả 02 nội dung;

+ Bản sao Quyết định của UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM. Riêng các xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011-2016 (*các xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí cũ*) cần bổ sung thêm các hồ sơ có liên quan, theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh tại Công văn số 01/BCĐ-VPĐPNTM ngày 02/01/2019 về việc hướng dẫn một số nội dung về kiểm tra, đánh giá lại đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM sau 5 năm kể từ ngày công nhận.

+ Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM nâng cao, các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, kèm theo các mẫu từ mẫu 01 đến mẫu 12 (*đối với xã NTM nâng cao*) và mẫu 13 đến mẫu 16 (*đối với xã NTM kiểu mẫu*) tại Quyết định này và các hồ sơ minh chứng có liên quan.

+ Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển các thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu.

+ Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM trên địa bàn xã.

+ Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu của xã: Từ 10 -15 hình ảnh về thực hiện các tiêu chí, các mô hình phát triển sản xuất, xây dựng “Khu dân cư NTM kiểu mẫu”, làng nghề, sản phẩm đặc trưng của mỗi xã và các hoạt động, phong trào liên quan đến thực hiện các tiêu chí xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu (hình ảnh phải có chú thích các thông tin về các hoạt động).

- Hồ sơ UBND cấp huyện trình UBND tỉnh thẩm định (qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh), trước ngày 20/11 hằng năm, hồ sơ gồm 02 bộ:

+ Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Trường hợp đề nghị công nhận đạt chuẩn cả 02 nội dung (xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu) thì trong Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị xét công nhận cho cả 02 nội dung.

+ Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ xã NTM nâng cao hoặc xã NTM kiểu mẫu cho từng xã được đề nghị.

+ Biên bản cuộc họp của Ban Chỉ đạo cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã NTM kiểu mẫu.

+ Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về số liệu nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM trên địa bàn xã so với số liệu UBND xã báo cáo và giải pháp, cam kết bố trí nguồn lực để xử lý nợ không quá 06 tháng kể từ ngày được công nhận đạt chuẩn (nếu còn nợ đối với các công trình chưa quyết toán).

+ Hồ sơ liên quan của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra.

2. Thẩm định, xét công nhận: UBND tỉnh tổ chức thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu.

- UBND tỉnh giao Đoàn thẩm định tỉnh tổ chức thẩm định, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu.

- Sau khi thẩm định, Đoàn thẩm định tỉnh có Báo cáo kết quả thẩm định các tiêu chí xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu của từng xã được thẩm định.

- UBND tỉnh giao Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM tỉnh (gọi tắt là Hội đồng thẩm định tỉnh) tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Văn phòng Điều phối NTM tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu khi có kết quả bỏ phiếu nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định tỉnh dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xét, công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, gồm:

+ Tờ trình của Ban Chỉ đạo tỉnh đề nghị công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao hoặc xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Trường hợp đề nghị công nhận đạt chuẩn cả 02 nội dung (*xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu*) thì trong Tờ trình của Ban Chỉ đạo tỉnh đề nghị xét công nhận cho cả 02 nội dung.

+ Báo cáo thẩm định của Đoàn thẩm định tỉnh cho từng xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

Riêng xã đề nghị công nhận đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu ngoài hồ sơ nêu trên kèm theo Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (*theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tại Hướng dẫn số 64/HD-MTTQ-BTT ngày 20/5/2019*).

Các đơn vị và địa phương căn cứ các quy định, biểu mẫu liên quan tại Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017-2020 để lập thủ tục, hồ sơ cho phù hợp.

Điều 22. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu được khen thưởng theo quy định tại Quyết định số 3947/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng trong Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020 (*hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung nếu có*).

Ngoài ra, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND xã xem xét tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong việc tham gia xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu ở địa phương.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, Hội Đoàn thể các cấp

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý. Hằng năm, phối hợp các Sở, Ban, ngành thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận và công bố xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh hướng dẫn các nội dung liên quan trong lễ công bố xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh có trách nhiệm công bố Quyết định này và các phụ lục, biểu mẫu kèm theo trên Cổng thông tin điện tử NTM tỉnh (tại địa chỉ <http://nongthonmoi.net/>) để các cá nhân, tổ chức có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành được UBND tỉnh giao nhiệm vụ phụ trách các tiêu chí NTM tại Công văn số 466/UBND-KTN ngày 25/01/2017:

+ Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí liên quan thuộc ngành mình phụ trách để các địa phương triển khai thực hiện;

+ Thường xuyên cập nhật các văn bản quy định của các Bộ, ngành Trung ương để kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) điều chỉnh, bổ sung các nội dung cho phù hợp với quy định của cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh được phân công đứng điểm tại các xã, huyện, thị xã, thành phố thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các địa phương trong việc thực hiện các nội dung của Quyết định định này; chỉ đạo việc lồng ghép các nội dung thuộc đơn vị quản lý để thực hiện đầu tư hỗ trợ cho các xã xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này. Tổ chức phản biện và giám sát kết quả xây dựng xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu.

Điều 24. Trách nhiệm UBND cấp huyện

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng, ban, đơn vị liên quan và Ban Chỉ đạo xã, UBND, Ban Quản lý NTM các xã, Ban phát triển thôn thực hiện theo đúng các nội dung tại Quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu hằng năm theo đúng quy định.

- Phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho Thủ trưởng các Phòng, ban có liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện và hỗ trợ các xã trên địa bàn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu; xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của UBND các xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí xã NTM nâng cao và tiêu chí xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn theo quy định tại Quyết định này;

- Tổ chức rà soát đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cán bộ xã theo dõi, đôn đốc thực hiện tiêu chí xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu gắn với nhiệm vụ chuyên môn; khi đạt đủ các tiêu chí theo quy định thì tổ chức đánh

giá và xác lập hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện thẩm tra, trình UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, bất cập đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

Mẫu 1. Đánh giá tiêu chí 1: Thu nhập

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ THU NHẬP XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí thu nhập của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đến thời điểm đánh giátriệu đồng/người/năm	- Xã khu vực 1 (năm 2019 đạt ít nhất 34,7 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 37,8 triệu đồng/người/năm) - Xã khu vực 2 (năm 2019 đạt ít nhất 41,8 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 45,1 triệu đồng/người/năm).	

* Đánh giá chung:

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí tiêu chí thu nhập.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)



Mẫu 2. Đánh giá tiêu chí 2: Hộ nghèo

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ HỘ NGHÈO XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng năm tại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí hộ nghèo của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Tên thôn	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo								Tỷ lệ % hộ nghèo xét đạt chuẩn xã NTM nâng cao
			Tổng số hộ	Tỷ lệ %	Trong đó						
					Hộ nghèo thuộc chính sách BTXH		Hộ nghèo do mắc bệnh hiểm nghèo		Hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng		
					Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3=2/1 *100	4	5=4/1 *100	6	7=6/1 *100	8	9=8/1 *100	10=(2-4-6-8)/(1-4-6-8)*100
Tổng											

Xã NTM nâng cao đạt chuẩn tiêu chí hộ nghèo khi:

- Khu vực 1: Tỷ lệ hộ nghèo $\leq 7\%$ (không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo khi đánh giá).

- Khu vực 2: Tỷ lệ hộ nghèo $\leq 3\%$ đối với các xã thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và không còn hộ nghèo đối với các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại (không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo khi đánh giá).

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chuẩn tiêu chí hộ nghèo xã NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 3 . Đánh giá tiêu chí 3: Phát triển kinh tế nông thôn

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/ chưa đạt)
1	Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp	Xã có kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã hoặc đề án cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp được UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.	Có/không	Đạt	
2	Hợp tác xã (HTX)	Có ít nhất 01 HTX nông nghiệp được xếp loại hoạt động từ loại khá trở lên theo tiêu chí quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Có/không, nêu rõ số điểm đạt được của HTX	Đạt	
		HTX nông nghiệp có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã. Trường hợp xã không có HTX nông nghiệp thì có ít nhất 01 HTX phi nông nghiệp hoạt động hiệu quả, gắn với phát triển dịch vụ, du lịch... trên địa bàn xã.	Có/không, nêu rõ sản phẩm liên kết	Đạt	
3	Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực	Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực đạt trên 50% đối với xã thuộc khu vực 1, trên 70% đối với các xã thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và trên 80% đối với các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại	Tính rõ tỷ lệ	Đạt	

4	Có mô hình sản xuất kinh doanh gắn giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	Có ít nhất 02 mô hình sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ...) có hiệu quả (doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 2 và trên 200 triệu đồng/năm đối với mô hình ở xã khu vực 1, có lãi)	Có/không, nêu rõ danh thu, lãi	Đạt	
		Có Kế hoạch của UBND xã về triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn xã và có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.	Có/không, nêu tên sản phẩm	Đạt	

* Đánh giá chung:

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí tiêu chí phát triển kinh tế nông thôn.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 4. Đánh giá tiêu chí 4: Giáo dục

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ GIÁO DỤC XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí giáo dục của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Nâng cao trình độ dân trí của người dân	Nêu rõ các mức đạt chuẩn phổ cập giáo dục của xã	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	
2	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	KV1 \geq 80%; KV2 \geq 95%	
3	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	KV1 \geq 50%; KV2 \geq 70%	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt, không đạt):chỉ tiêu của tiêu chí giáo dục của xã NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 5. Đánh giá tiêu chí 5: Y tế

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ Y TẾ XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng năm tại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí y tế của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Nêu rõ số liệu, tính tỷ lệ	KV1 \geq 95%; KV2 \geq 95%	
2	Kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm	Nêu rõ kết quả đánh giá	Kiểm soát tốt dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch; trong năm không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt).....tiêu chí y tế của xã NTM nâng cao.

Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 6. Đánh giá tiêu chí 6: Văn hóa

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ VĂN HÓA XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí văn hóa của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới	Nêu rõ kết quả	Xã được UBND cấp huyện công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch.	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt).....tiêu chí văn hóa xã NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**



Mẫu 7. Đánh giá tiêu chí 7: Cảnh quan - môi trường

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí cảnh quan môi trường của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Cảnh quan	Nêu rõ kết quả đánh giá	Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn xã. Mỗi thôn trong xã ít nhất phải có một mô hình trồng hoa, trồng cây xanh để tạo điển hình nhằm phổ biến nhân rộng.	
2	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Nêu rõ số liệu, tính tỷ lệ	KV1 \geq 80%; KV2 \geq 95%	
3	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Nêu rõ số liệu, tính tỷ lệ	KV1 \geq 70%; KV2 \geq 85%	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt).....tiêu chí cảnh quan môi trường xã NTM nâng cao.

Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu 8. Đánh giá tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông
- hành chính công**

**ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - HÀNH
CHÍNH CÔNG XÃ NTM NÂNG CAO**

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí thông tin và truyền thông - hành chính công của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công vụ	Nêu rõ kết quả đánh giá	Xã khu vực 1: - Có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) và có sử dụng ít nhất 02 phần mềm quản lý chuyên ngành. - Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử. Xã khu vực 2: - Có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) và có sử dụng ít nhất 02 phần mềm quản lý chuyên ngành. - Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử và cung cấp ít nhất 01 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên và có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm.	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt).....tiêu chí thông tin và truyền thông - hành chính công của xã NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 9. Đánh giá tiêu chí 9: Trường học

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí trường học của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Tên trường học	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia		Ghi chú
		Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
1	Trường mầm non/mẫu giáo			
	Nêu tên trường....			Nếu trường chuẩn quốc gia thì nêu rõ năm được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và mức độ đạt chuẩn (mức độ 1, mức độ 2...)
2	Trường tiểu học			
	Nêu tên trường....			Nếu trường chuẩn quốc gia thì nêu rõ năm được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và mức độ đạt chuẩn (mức độ 1, mức độ 2...)
3	Trường THCS			
	Nêu tên trường....			Nếu trường chuẩn quốc gia thì nêu rõ năm được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Xã NTM đạt chuẩn tiêu chí trường học khi:

- Xã khu vực 1: Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non/mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: 100%;

- Xã khu vực 2: Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non/mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: 100%, trong đó ít nhất 01 trường mầm non/mẫu giáo hoặc tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đối với trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đã đạt chuẩn quốc gia thì xem như đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (tính trong vòng 5 năm kể từ ngày công nhận đạt chuẩn quốc gia).

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):.....tiêu chí trường học của xã
NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 10. Đánh giá tiêu chí 10: Giao thông

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ GIAO THÔNG XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí giao thông của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Tỷ lệ các tuyến đường trục xã có hệ thống đèn chiếu sáng và có cây xanh, bóng mát (cây cách cây tối đa 10 m) hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	KV1 ≥ 50%; KV2 ≥ 70 %	
2	Cắm mốc đầy đủ đường trục xã, trục thôn theo quy hoạch xã NTM được duyệt	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	
3	Các điểm giao nhau của đường trục xã và đường trục thôn có biển báo giao thông	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	
4	Các tuyến đường trục xã, đường trục thôn được duy tu, bảo dưỡng định kỳ	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí giao thông của xã NTM nâng cao.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 11. Đánh giá tiêu chí 11: Khu dân cư NTM kiểu mẫu

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NTM KIỂU MẪU CỦA XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

Tổng số thôn trong xã	Số thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu (%)
(1)	(2)	$(3) = (2)/(1) * 100$

Xã đạt tiêu chí này khi tỷ lệ đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu $\geq 30\%$ đối với xã khu vực 1; $\geq 35\%$ đối với thuộc các huyện: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức; $\geq 40\%$ đối với các xã còn lại.

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu của xã NTM nâng cao.

Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)



Mẫu 12. Đánh giá tiêu chí 12: An ninh trật tự

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ AN NINH TRẬT TỰ CỦA XÃ NTM NÂNG CAO

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung tiêu chí an ninh, trật tự của xã NTM nâng cao. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật	Nêu rõ kết quả	Đạt	
2	Không có công dân thường trú ở xã phạm tội	Nêu rõ kết quả	Đạt	
3	Tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm	Nêu rõ kết quả	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt, không đạt): tiêu chí an ninh trật tự của xã NTM nâng cao.

Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định

Trưởng Công an xã
(Ký tên và đóng dấu)

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 13 . Đánh giá tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo

Mẫu 13.1. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu sản xuất của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu. Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Sản xuất	Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu	Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã (nêu rõ kết quả đánh giá)	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các nội dung của chỉ tiêu 13.2 của tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh. - Chất lượng nước sử dụng cho sản xuất: Đáp ứng quy định. - Quản lý chất thải trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường. 	
		Sản phẩm đảm bảo an toàn chất lượng an toàn thực phẩm (nêu rõ kết quả đánh giá)	<ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng chất cấm trong quá trình sản xuất; - Hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm vi sinh vật trong sản phẩm trồng trọt không vượt mức giới hạn tối đa cho phép; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản và ô nhiễm vi sinh không vượt ngưỡng cho phép; - Đối với sản phẩm chủ lực của xã là mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, yêu cầu: Gia súc, gia cầm phải được giết mổ tại cơ sở giết mổ được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền. 	
	Kinh doanh có hiệu	Sản phẩm chủ lực của xã có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 02 lần so với		



	quả (nêu rõ kết quả đánh giá)	sản phẩm đại trà khác của xã tại cùng thời điểm đánh giá) và có tiềm năng mở rộng.	
	Thích ứng biến đổi khí hậu (nêu rõ kết quả đánh giá)	- Cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với đặc thù thiên tai và phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu của địa phương; - Có các hình thức canh tác thích nghi với biến đổi khí hậu (như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; xen canh, luân canh hợp lý).	
Có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá	Có ít nhất 02 hợp tác xã đạt theo các yêu cầu tại chỉ tiêu 13.1 của tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất của xã NTM theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh. Trong đó, HTX có ít nhất 02 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng địa phương, phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn.	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu sản xuất của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 13.2. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU THU NHẬP XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu thu nhập của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập bình quân đầu người lúc được công nhận đạt chuẩn NTM: triệu đồng/người/năm; - Thu nhập bình quân đầu người đến thời điểm đánh giá:...triệu đồng/người/năm 	<p>Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.</p> <p>Riêng các xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011-2015 thì mức thu nhập để xét đạt chuẩn của xã NTM kiểu mẫu phải đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã khu vực 1 (năm 2019 đạt ít nhất 34,7 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 37,8 triệu đồng/người/năm) - Xã khu vực 2 (năm 2019 đạt ít nhất 41,8 triệu đồng/người/năm; năm 2020 đạt ít nhất 45,1 triệu đồng/người/năm). 	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu thu nhập của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 13.3. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU HỘ NGHÈO XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu hộ nghèo của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

TT	Tên thôn	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo								Tỷ lệ % hộ nghèo xét đạt chuẩn xã NTM KM
			Tổng số hộ	Tỷ lệ %	Trong đó						
					Hộ nghèo thuộc chính sách BTXH		Hộ nghèo do mắc bệnh hiểm nghèo		Hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng		
					Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3=2/1 *100	4	5=4/1 *100	6	7=6/1 *100	8	9=8/1 *100	10=(2-4-6-8)/(1-4-6-8)*100
Tổng											

Xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn chỉ tiêu hộ nghèo khi không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do mắc bệnh hiểm nghèo).

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu hộ nghèo của tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 14. Đánh giá tiêu chí: Giáo dục - Y tế - Văn hóa

Mẫu 14.1. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU GIÁO DỤC XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng năm tại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu giáo dục của tiêu chí giáo dục – y tế - văn hóa xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Giáo dục	Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	
	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	
	Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	
	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu giáo dục của tiêu chí giáo dục - y tế - văn hóa.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 14.2. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU Y TẾ XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu y tế của tiêu chí giáo dục – y tế - văn hóa xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Y tế	Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.	Có/không	Đạt	
	Dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên.	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu y tế của tiêu chí giáo dục - y tế - văn hóa xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 14.3. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU VĂN HÓA XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng năm tại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu văn hóa của tiêu chí giáo dục – y tế - văn hóa xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Văn hóa	Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia.	Nêu rõ số liệu, mô hình, tình hình hoạt động	Đạt	
	Mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Có/ không, nêu rõ đội văn nghệ/câu lạc bộ, hoạt động	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... chỉ tiêu văn hóa của tiêu chí giáo dục - y tế - văn hóa xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 15. Đánh giá tiêu chí Môi trường

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí môi trường của xã NTM kiểu mẫu. Kết quả như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên	Nêu cụ thể kết quả đánh giá	Đạt	
2	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.	Nêu cụ thể kết quả đánh giá	Đạt	
3	Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.	Nêu cụ thể kết quả đánh giá	Đạt	
4	Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Nêu cụ thể kết quả đánh giá	Đạt	
5	Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	Nêu số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	
6	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	Nêu số liệu và tính tỷ lệ	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt): tiêu chí tiêu chí môi trường xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 16. Đánh giá tiêu chí An ninh trật tự - hành chính công

Mẫu 16.1. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU AN NINH TRẬT TỰ XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày..... tháng năm tại UBND xã, gồm có:

1. Ông (bà) chức vụ:
2. Ông (bà) chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu an ninh trật tự của tiêu chí an ninh trật tự - hành chính công xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
An ninh trật tự	Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt): chỉ tiêu an ninh trật tự của tiêu chí an ninh trật tự - hành chính công xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 16.2. ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ NTM KIỂU MẪU

Hôm nay, ngày..... tháng năm tại UBND xã, gồm có:

1. Ông (bà) chức vụ:
2. Ông(bà) chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến chỉ tiêu hành chính công của tiêu chí an ninh trật tự - hành chính công xã NTM kiểu mẫu.

Kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
1	Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	
2	Có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá, nêu rõ mô hình	Đạt	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt): chỉ tiêu hành chính công của tiêu chí an ninh trật tự - hành chính công xã NTM kiểu mẫu.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

